TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST Ngày: 29-4-2026 V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Đắc

Bà Bùi Thị Bắc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hà Khánh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị C, sinh năm 1992. Địa chỉ: thôn Thuồng D, xã T, tỉnh L. Căn cước công dân số: 01912005977, ngày cấp: 19/8/2025, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc Q, sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn Thuồng D, xã T, tỉnh L. Căn cước số: 020094005141, ngày cấp: 13/9/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Quốc Q có quen biết, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2021, đến năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L (nay là

UBND xã T, tỉnh L). Sau khi kết hôn chị về ở hẳn với gia đình anh Trương Quốc Q, cuộc sống chung của hai vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng từ khi chị có bầu con được 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, anh Trương Quốc Q uống rượu say về kiếm cớ gây sự, đánh chị, không tu trí làm ăn, thường xuyên đi chơi, không chăm lo cho gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đến tháng 3/2024 vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Quốc Q.

Về con chung: Có 01 người con chung là Trương Thảo V, sinh ngày 07/11/2021. Hiện nay đang ở với anh Trương Quốc Q. Khi ly hôn chị để cho anh Trương Quốc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng/ 1 tháng đến khi người con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bị đơn anh Trương Quốc Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự và biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2026 trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh và chị Nông Thị C có quen biết, tổ chức lễ cưới từ năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tr huyện V, tỉnh L năm 2022. Trong quá trình chung sống vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng chị Nông Thị C đã bỏ nhà đi được hơn 02 năm, không về nhà lần nào nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nông Thị C xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Trương Quốc Q thống nhất với ý kiến trình bày của chị Nông Thị C về con chung. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trương Thảo V, sinh ngày 07/11/2021. Không yêu cầu chị Nông Thị C cấp dưỡng nuôi con.

Tại công văn số 366/UBND-VP ngày 24/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Tr, tỉnh L cung cấp thông tin: Chị Nông Thị C và anh Trương Quốc Q đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tr huyện V, tỉnh L nay là Ủy ban nhân dân xã Tr, tỉnh L từ ngày 10/11/2022. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Chị Nông Thị C và anh Trương Quốc Q có 01 con chung là Trương Thảo V, sinh ngày 07/11/2021. Hiện tại đang sống với anh Trương Quốc Q, không bị ngược đãi, có điều kiện sinh sống và học tập đầy đủ. Mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng đối với 01 trẻ em ở độ tuổi chau Trương Thảo V là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/4/2026 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh Trương Quốc Q xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự và con chưa thành niên, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành giải thích quyền trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đương sự nhưng không ai thuộc diện được trợ giúp pháp lý, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ,

quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị C được ly hôn với anh Trương Quốc Q. Về con chung: giao cho anh Trương Quốc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Thảo V, sinh ngày 07/11/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Trương Thảo V 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Về án phí: Chị Nông Thị C là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên, chị Nông Thị C không có đơn đề nghị miễn án phí. Do đó, chị Nông Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn Thuồng D, xã T, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Nông Thị C và anh Trương Quốc Q được tìm hiểu và tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2022 tại Uỷ ban nhân dân xã Tr huyện V, tỉnh L(nay là xã Tr, tỉnh L), là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trương Quốc Q thường xuyên uống rượu, có hành vi gây sự và đánh chị, không chăm lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Nông Thị C và anh Trương Quốc Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị C.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị C và anh Trương Quốc Q có 01 con chung là cháu Trương Thảo V, sinh ngày 07/11/2021. Hiện còn nhỏ, do anh

Trương Quốc Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu đang theo học tại Trường mầm non xã Tr, tỉnh L, từ trước đến nay sinh sống ổn định cùng anh Trương Quốc Q, không bị ngược đãi, có điều kiện sinh hoạt và học tập bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với ý kiến trình bày của chị Nông Thị C hiện chị đang sống cùng bố mẹ đẻ, chưa có nhà ở riêng, không có ruộng vườn, làm công ty nên không có nhiều thời gian trực tiếp chăm sóc con, đề nghị giao cháu Trương Thảo V cho anh Trương Quốc Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Như vậy, điều kiện thực tế hiện nay của chị Nông Thị C không bảo đảm cuộc sống ổn định và chăm sóc thường xuyên cho cháu Trương Thảo V. Còn anh Trương Quốc Q có nơi ở ổn định và theo thông tin cung cấp của UBND xã Tr, thì anh Trương Quốc Q làm công việc tự do với thu nhập bình quân khoảng 3.500.000 đồng/tháng, cao hơn mức tối thiểu khoảng 3.000.000 đồng/tháng, đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao cho anh Trương Quốc Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thảo V cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh Trương Quốc Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Nông Thị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại công văn số 366/UBND-VP ngày 24/3/2026 của UBND xã T, tỉnh L cho biết mức tối thiểu để đảm bảo nuôi dạy, chăm sóc trẻ em tại địa phương trong độ tuổi của cháu Trương Thảo V là 3.000.000 đồng/1 tháng. Mặc dù anh Trương Quốc Q không yêu cầu nhưng Hội đồng xét xử thấy nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên là trách nhiệm của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nhằm bảo đảm quyền lợi của người con. Vì vậy, mức cấp dưỡng chị Nông Thị C tự nguyện là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu, điều kiện sinh sống và học tập của cháu. Thời điểm cấp dưỡng tính từ thời điểm xét xử. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nông Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271,

Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84; 107; 110; 116 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị C được ly hôn anh Trương Quốc Q.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trương Thảo V, sinh ngày 07/11/2021 cho anh Trương Quốc Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nông Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/1 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Trương Thảo V đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành chậm trả tiền cấp dưỡng hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Nông Thị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000528 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh L. Nay chị Nông Thị C phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh L;
- UBND xã T, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước